TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2021/DS-ST Ngày 02-7-2021 V/v "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bé Sáu;

2. Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phan Thái Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-DS ngày 16/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1969;

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* 1. Chị Trương Thị H2, sinh năm 1994;

2. Anh Lê Văn N1, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Ấp T1, xã H, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T1, xã H, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 25/12/2020 (âm lịch) vợ chồng chị Trương Thị H2 và anh Lê Văn N1 có vay của ông, bà số tiền là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng), mục đích vay là để trả nợ ngân hàng, thời hạn vay là đến ngày 10/01/2021 (âm lịch), việc vay này có viết biện nhận, lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Đến thời hạn trả nợ nhưng chị H2 và anh N1 không trả lãi và gốc cho ông, bà mặc dù nhiều lần nhắc nhở.

Theo đơn khởi kiện ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị H2 và anh N1 trả số tiền vay còn thiếu 314.000.000đ và tiền lãi là 30.000.000đ.

Nay ông, bà thống nhất chỉ khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H2 và anh N1 phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Ngoài ra ông, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Bị đơn chị Trương Thị H2 trình bày*: Vào ngày 25/12/2020 (âm lịch) chị và chồng là anh Lê Văn N1 có vay của vợ chồng ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị N số tiền là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng), mục đích vay là kinh doanh, mua bán, lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay là 01 tháng. Nhưng hết thời hạn 01 tháng anh, chị không có tiền trả lại cho ông Đ và bà N, vì không có khả năng trả.

Nay chị thống nhất cùng anh N1 trả cho vợ chồng ông Đ, bà N số tiền vay còn thiếu là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng), xin không trả tiền lãi.

- *Bị đơn anh Lê Văn N1:* Vắng mặt, không có ý kiến.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn thiếu gốc là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng), không có lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu,

chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp T1, xã H, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Trần Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lê Văn N1 và chị Trương Thị H2 vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ; Người làm chứng bà Nguyễn Thanh T3 đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 và 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Nguyên đơn ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trương Thị H2 và anh Lê Văn N1 phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Bị đơn chị Trương Thị H2 thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Riêng anh Lê Văn N1 không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án có Thông báo và triệu tập anh N1 và chị H2 đến để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm giải quyết vụ án, nhưng chị H2 và anh N1 vắng mặt không có lý do. Riêng chị H2 thì sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì chị có đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình là thừa nhận chữ ký trong biên nhận vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là của mình và thống nhất cùng anh N1 trả số nợ vay còn thiếu cho nguyên đơn là 314.000.000đ. Đối với anh N1 thì từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại khoản 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về Nghĩa vụ chứng minh có quy định:

"*2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Từ căn cứ trên, xét thấy bị đơn anh Nu biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án của anh, tuy nhiên anh không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là quyền, nghĩa vụ của anh, nhưng anh từ bỏ quyền này, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh có quy định:

"*2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

Căn cứ quy định pháp luật trên thì anh Nu không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh cũng không đến Tòa án để Tòa án hòa giải nội dung tranh chấp của vụ án. Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Như vậy, anh N1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị H2 trả cho ông Đ, bà N số tiền vay còn thiếu là gốc 314.000.000đ, không có lãi.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn anh N1 và chị H2 phải liên đới chịu là 15.700.000đ. Ông Đ, bà N không phải chịu tiền án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 229, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị N.

Buộc anh Lê Văn N1 và chị Trương Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị N số tiền vay còn thiếu là 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Văn N1 và chị Trương Thị H2 phải liên đới chịu là 15.700.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị N không phải chịu tiền án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.600.000đ, theo biên lai thu số 0008893, ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Huỳnh Anh